HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **XÃ SÌ LỞ LẦU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:32 /NQ-HĐND	*Sì Lở Lầu, ngày 14 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu, chỉ tiêu thành phần tại Nghị quyết số 37/NQ-HĐND, ngày 17/12/2025 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 5 năm giai đoạn 2026-2030 và Nghị quyết số 36/NQ-HĐND, ngày 17/12/2025 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ SÌ LỞ LẦU
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ các Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Lai Châu về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030; Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Lai Châu về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; Nghị quyết số 38/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Lai Châu ngày 09/9/2026 về điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu Nghị quyết số 96/NQ-HĐND và Nghị quyết số 98/NQ-HĐND.

Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 3068/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 về giao Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026 2030; Quyết định số 3069/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 về giao Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 17/12/2025 của HĐND xã về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2026; Nghị quyết số 37/NQ-HĐND, ngày 17/12/2025 của HĐND xã về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 5 năm giai đoạn 2026-2030; Nghị quyết số 19/NQ-HĐND, ngày 26/6/2026 của HĐND xã về Điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu, chỉ tiêu thành phần tại Nghị quyết số 36/NQ-HĐND, ngày 17/12/2025 của HĐND xã Sì Lở Lầu về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 648/QĐ-UBND ngày 17/12/2025 của UBND xã về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2026; Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 17/12/2025 của UBND xã về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030; Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 26/6/2026 của

UBND xã về Điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, chỉ tiêu thành phần tại Quyết định số 648/QĐ-UBND ngày 17/12/2025 của UBND xã Sì Lở Lầu về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2026.

Căn cứ Quyết định số 1988/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lai Châu ngày 10/9/2026 về điều chỉnh, giao bổ sung một số chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030; Quyết định số 1989/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lai Châu ngày 10/9/2026 về điều chỉnh, giao bổ sung một số chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; Quyết định số 2208/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lai Châu ngày 07/10/2026 về Ban hành kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội được điều chỉnh, bổ sung giai đoạn 2026-2030 và năm 2026;

Xét Tờ trình số 2525/TTr-UBND ngày 12/10/2026 của Ủy ban nhân dân xã về việc điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu, chỉ tiêu thành phần tại Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 17/12/2025 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 5 năm giai đoạn 2026-2030 và Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 17/12/2025 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2026 và Báo cáo thẩm tra số 148/BC-HĐND ngày 14/10/2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân xã và ý kiến của các đại biểu HĐND xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu, chỉ tiêu thành phần tại Nghị quyết số 37/NQ-HĐND, ngày 17/12/2025 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 5 năm giai đoạn 2026-2030 và Nghị quyết số 36/NQ-HĐND, ngày 17/12/2025 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2025 của HĐND xã Sì Lở Lầu, với những nội dung chủ yếu sau:

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Các chỉ tiêu còn lại không thay đổi và tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 17/12/2025; Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 17/12/2025 và Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 26/6/2026 của HĐND xã Sì Lở Lầu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã căn cứ chỉ tiêu để điều chỉnh, bổ sung vào kế hoạch hành động, đảm bảo tính khả thi và tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã khóa III, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 14 tháng 10 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- TT HĐND tỉnh;
- TT UBND tỉnh;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- UBMTTQ Việt Nam xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Các ban, ngành, đoàn thể xã;
- VP HĐND- UBND xã;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH

H.Đ.N.D XÃ SÌ LỞ LẦU T.LAI CHÂU

Trần Bảo Trung

BIỂU TỔNG HỢP

Điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu, chỉ tiêu thành phần về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030 và năm 2026

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 14/10/2026 của HĐND xã Sì Lở Lầu)

1. Điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu đã thông qua	Chỉ tiêu điều chỉnh	Ghi chú
1	Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	-	12,50	Điều Chỉnh, bổ sung theo QĐ 1988/QĐ-UBND ngày 10/9/2026 của UBND tỉnh Lai Châu
2	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	-	30,86	
3	Tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin	%	-	57,56	
4	Tỷ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động	%	-	31,77	
5	Tỉ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khoẻ hằng năm	%	-	100	

2. Điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2026

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu đã thông qua	Chỉ tiêu điều chỉnh	Ghi chú
1	Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	-	11,9	Điều Chỉnh, bổ sung theo QĐ 1989/QĐ-UBND ngày 10/9/2026 của UBND tỉnh Lai Châu
2	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	-	29,09	
3	Tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin	%	-	49,57	
4	Tỷ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động	%	-	22,74	
5	Tỉ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khoẻ hằng năm	%	-	100	
6	Tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế toàn dân	%	99,7	100	
7	Tỉ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông (suối)	%	35	39,5	